TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS - ST
Ngày: 16/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Bà Dương Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14 /2022/TLST- HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T - sinh ngày 10/5/1981; nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T2 - sinh năm 1937 và bà Tống Thị N - sinh năm 1942; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1985; có 02 con: con lớn 12 tuổi, con nhỏ 01 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/9/2015 bị công an phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: "Đánh bạc": tạm giữ ngày 17/8/2022; tạm giam: ngày 23/8/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa; (có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Trọng N – sinh năm 1963
Địa chỉ: A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị A - sinh năm 1968
Địa chỉ: A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h30' ngày 21/7/2022, Nguyễn Xuân T đi bộ trên đường Quốc lộ 47 đoạn đối diện khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T để tìm người chuyển tiền

vào tài khoản ngân hàng. Khi đi đến hàng tạp hóa tại A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là nhà của ông Nguyễn Trọng N - sinh năm 1963 thì gặp ông N và cháu ông N ở nhà, T nhờ ông N chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng rồi sẽ đưa tiền mặt cho ông N, ông N đồng ý và sử dụng điện thoại của mình đăng nhập vào tài khoản ngân hàng nhưng không được nên bảo cháu là Nguyễn Huỳnh Cao M vào lấy điện thoại của vợ ông là bà Trần Thị A ra để đăng nhập chuyển tiền. Sau khi đăng nhập vào số tài khoản 100004959400 ngân hàng Viettinbank của bà Trần Thị A thì ông N tưởng hết tiền nên nói với T tài khoản hết tiền nên không chuyển được, lúc này T hỏi mượn điện thoại để xem, phát hiện tài khoản có số tiền hơn 15.000.000đ, T thử thực hiện giao dịch chuyển số tiền 500.000đ thì thấy mã số OTP gửi vào máy điện thoại mình đang cầm nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản, nhân lúc ông N không để ý, T thực hiện thao tác và chuyển số tiền 10.000.000đ từ tài khoản ngân hàng Viettinbank số 100004959400 của bà Trần Thị A vào tài khoản MB bank 100519816789 của T, sau khi chuyển tiền T trả lại điện thoại cho ông N rồi bỏ đi, số tiền chiếm đoạt T đã tiêu sài cá nhân hết.

Ông Nguyễn Trọng N yêu cầu Nguyễn Xuân T bồi thường số tiền 10.000.000đ. Ngày 14/10/2022, gia đình bị cáo Nguyễn Xuân T đã khắc phục số tiền trên, ông N nhận đủ tiền và có đơn xin xin giảm nhẹ hình phạt đối với T.

Tại bản cáo trạng số 265/CT-VKSTP ngày 10/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh□cáo trạng, qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Công nhận phần dân sự đối với bị hại đã giải quyết xong. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận, nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai, theo đó, bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự, chỉ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bị hại cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, một lần nữa bị cáo thừa nhận: Khoảng 20h30' ngày 21/7/2022, tại nhà ông Nguyễn Trọng N - địa chỉ A, phường Q, thành phố T, bằng hình thức nhờ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng, Nguyễn Xuân T lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 10.000.000đ để tiêu sài cá nhân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân T có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân: ngày 16/9/2015 bị công an phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: "Đánh bạc", tuy nhiên hành vi bị xử lý hành chính đã lâu (năm 2015), theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Nguyễn Xuân T "được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính". Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động với gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tính giáo dục đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã đ□ợc trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự đã giải quyết xong.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s, b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Uỷ ban nhân dân xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo này.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại đã giải quyết xong.

3. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THA TP. Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Nga